

Bản án số: 344/2026/HS-PT
Ngày: 26 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh
Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia V - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo Nguyễn Gia L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Gia L (tên gọi khác: không), sinh năm 1992 tại Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: Số I, đường P, tổ dân phố D, xã D, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: như trên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh vận tải; thẻ căn cước công dân số 052092001918 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Như N, sinh năm 1959; bị cáo là con thứ năm trong gia đình có 05 anh chị em; có vợ là Đàm Tiến Kiều O sinh năm 1992; bị cáo có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22/04/2024 bị cáo Nguyễn Gia L bị Công an tỉnh L khởi tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Gia L ra đầu thú ngày 26/3/2024 và bị áp dụng biện pháp tạm giữ, sau đó chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 240/LTG-CQĐT-HKM ngày 04/4/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Đ (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Hoàng Thị K - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* Ông Trần Hưng Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Đồng Nai.

(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị hại khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không liên quan đến việc kháng cáo, nên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Gia L là Giám đốc Công ty TNHH T1 (viết tắt là Công ty T1), địa chỉ: thôn C, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay thuộc xã D, tỉnh Lâm Đồng) chuyên kinh doanh dịch vụ vận tải. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, L đã đầu tư một số phương tiện vận tải để vận chuyển hàng hóa gồm:

- Tháng 11/2020, L mua xe ô tô biển số 49H-002.99, số máy: J08EWD11684, số khung: 8JW7LXX10157 và thế chấp giấy đăng ký xe tại Công ty TNHH Một thành viên T2 để đảm bảo khoản vay số tiền 1.400.000.000 đồng khi mua xe. Đến ngày 15/11/2022, L còn nợ gốc đối với khoản vay trên là 999.999.992 đồng và không tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận.

- Ngày 04/11/2021 L đại diện Công ty TNHH T1 mua xe ô tô tải, biển số 49H-011.33, số máy: J05E UA23246, số khung: RNJFC9JNTMCX11010 và thế chấp giấy đăng ký xe tại Công ty TNHH MTV T2 để vay số tiền 720.000.000 đồng khi mua xe. Đến tháng 7 năm 2023, L còn nợ gốc đối với khoản vay trên là 350.000.000 đồng và không tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận.

- Tháng 3/2023, L mua lại xe ô tô tải biển số 60H-093.48, có số máy J08EWD11313; số khung: RNJFL8JW7LXX10564 của ông Thái Sơn K1, thường trú: 58K, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay thuộc phường P, tỉnh Vĩnh Long) với số tiền 1.480.000.000 đồng. Sau khi mua xe, L nhờ anh Lành Tiến Đ1, sinh năm 1993, cư trú tại: khu dân cư S, ấp H, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay thuộc xã Đ, tỉnh Đồng Nai) đứng tên nhận chuyển nhượng và thực hiện việc thế chấp giấy đăng ký xe trên tại Ngân hàng TMCP V2 - chi nhánh T3 vay số tiền 942.000.000 đồng để mua xe, sau đó tiếp tục vay tiêu dùng số tiền 300.000.000 đồng. Đến ngày 15/4/2024, L còn nợ gốc đối với 02 khoản vay trên 887.800.000 đồng và không tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận.

- Tháng 4/2023, L mua lại xe ô tô tải biển số 64H-011.04, số máy: J08EWD12709; số khung: RNJFL8JW7MXX11382 của anh Nguyễn Quang S, sinh năm 1991, cư ngụ tại số G đường P, tổ B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc phường B, tỉnh Vĩnh Long) nhưng không làm thủ tục sang tên. L đã trả cho anh S số tiền 150.000.000 đồng, số tiền còn lại giữa L và anh S thỏa thuận, L sẽ tiếp tục trả cho Công ty TNHH Một thành viên T2 là

1.259.404.752 đồng (theo hợp đồng tín dụng số 1000630061 ngày 27/12/2021) do anh S là người vay và đã thế chấp giấy đăng ký xe ô tô trên để đảm bảo khoản vay khi mua xe. Sau khi mua xe, L không tiếp tục thanh toán trả nợ như thỏa thuận.

Do làm ăn thua lỗ và cần tiền trả nợ, L đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức cầm cố hoặc bán các xe ô tô do mình đứng tên chủ sở hữu và của Công ty T1 do L là người đại diện theo pháp luật đang bị thế chấp để bảo đảm các khoản vay trước đó rồi chiếm đoạt tiền của người khác. Để thực hiện hành vi lừa đảo của mình, L liên hệ với một đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội để đặt làm giả 07 loại giấy tờ gồm: 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số AE 0694555 của Công ty cổ phần đăng kiểm và dịch vụ giao thông tỉnh B cấp ngày 15/02/2022 và 01 Chứng nhận đăng ký xe số 49 018374 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh L, cấp ngày 14/02/2022 cho xe ô tô biển số 49H-015.56; 01 Chứng nhận đăng ký xe số 49 065351 của Phòng C Công an tỉnh L cấp ngày 11/11/2021 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 4998350 của Trung tâm Đ2 cấp ngày 13/05/2023 cho xe ô tô biển số 49H-002.99; 01 Chứng nhận đăng ký xe số 49 016095 của Phòng C Công an tỉnh L cấp ngày 21/6/2021 của xe ô tô biển số 49H-014.07; 01 Chứng nhận đăng ký xe số 49 012087 của Phòng C Công an tỉnh L cấp ngày 08/11/2021 và 01 Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe của Công an huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/01/2024 cho xe ô tô biển số 49H-011.33 cùng 02 biển số xe ô tô màu vàng-đen số 49H-015.56 và 02 biển số xe ô tô màu vàng-đen số 49H-014.07.

Từ khoảng tháng 6 đến tháng 7/2023, Nguyễn Gia L nhiều lần đến tiệm cầm đồ “Hưng Phát 3”, địa chỉ: ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai) gặp anh Trần Hưng Đ, sinh năm 1973 là chủ tiệm để cầm cố 04 xe ô tô gồm xe ô tô hiệu Santafe 07 chỗ biển số 49A-284.82; xe ô tô biển số 49H-002.99 kèm Chứng nhận đăng ký xe số 49 065351 và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 4998350 cấp cho xe ô tô biển số 49H-002.99 bị làm giả; xe ô tô biển số 64H-011.04 bị Liêm thay bằng biển số 49H-015.56 kèm Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số AE 0694555 của Công ty cổ phần đăng kiểm và dịch vụ giao thông tỉnh B cấp ngày 15/02/2022 và 01 Chứng nhận đăng ký xe số 49 018374 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh L, cấp ngày 14/02/2022 cho xe ô tô biển số 49H-015.56 bị làm giả; xe ô tô biển số 60H-093.48 bị Liêm thay bằng biển số 49H-014.07, kèm Chứng nhận đăng ký xe số 49 016095 của Phòng C Công an tỉnh L cấp ngày 21/6/2021 cấp cho xe ô tô biển số 49H-014.07 bị làm giả để lấy số tiền 4.000.000.000 đồng. Do tin tưởng các thông tin, giấy tờ do L cung cấp là thật nên anh Đ đồng ý giao cho L số tiền 4.000.000.000 đồng hẹn đến ngày 16/11/2023, L trả cho anh Đ số tiền 4.527.800.000 đồng (tương ứng lãi suất 3%/tháng). Sau đó, L đã trả cho anh Đ số tiền 850.000.000

đồng để chuộc xe ô tô hiệu Santafe 07 chỗ biển số 49A-284.82 và bán cho người khác. Khi đến thời hạn thanh toán, anh Đ nhiều lần liên hệ với L nhưng không được, đồng thời anh Đ phát hiện biển số xe dán trên thành thùng xe ô tô biển số 49H-014.07 bị bong tróc, lộ ra biển số 64H-011.04. Qua tìm hiểu, anh Đ biết xe ô tô biển số 64H-011.04 do Nguyễn Quang S đứng tên đăng ký chủ sở hữu và đã bán cho L nhưng chưa làm thủ tục sang tên do giấy đăng ký xe đang được thế chấp tại ngân hàng, do L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng như thỏa thuận trước đó dẫn đến anh S bị nợ xấu nên Công ty TNHH Một thành viên T2 yêu cầu anh S tiếp tục trả nợ hoặc giao xe để ngân hàng phát mãi thu hồi nợ. Ngày 16/3/2024, anh S thỏa thuận giao cho anh Đ số tiền 50.000.000 đồng chuộc xe ô tô tải biển số 64H-011.04 để giao cho ngân hàng phát mãi thu hồi nợ thì anh Đ đồng ý. Trên đường anh S lưu thông xe về nhà, Đội Cảnh sát giao thông công an huyện T, tỉnh Đồng Nai phát hiện biển số xe 49H-015.56 (được gắn trên xe ô tô 64H-011.04) là giả nên lập biên bản tạm giữ xe để xử lý. Đồng thời, anh Trần Hưng Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai trình báo và giao nộp các xe ô tô cùng các loại giấy tờ của Nguyễn Gia L đã cầm cố để xử lý theo quy định.

Ngoài ra, ngày 03/7/2023, Nguyễn Gia L thỏa thuận bán xe ô tô tải biển số 49H-011.33 của Công ty T1 đứng tên chủ sở hữu cho anh Võ Nguyên H, sinh năm 1991, thường trú tại thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng) với giá 850.000.000 đồng. Liêm nói dối giấy tờ xe đang bị Công an Thành phố H tạm giữ do vi phạm giao thông nên chưa giao cho anh H. Tin tưởng thông tin L đưa ra là thật nên anh H đồng ý mua xe và chuyển khoản trước cho L số tiền 500.000.000 đồng thì được L giao xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả số 49 012087 của Phòng C Công an tỉnh L cấp ngày 08/11/2021 đối với xe ô tô biển số 49H-011.33. Đến ngày 21/8/2023, anh H tiếp tục chuyển khoản cho L số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu L cung cấp các tài liệu giấy tờ liên quan để làm thủ tục sang tên. Sau đó, L giao cho anh H 01 Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe của Công an huyện D, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/01/2024 đối với xe ô tô biển số 49H-011.33 bị làm giả. Ngày 17/01/2024, anh H đến Phòng C Công an tỉnh Q để làm thủ tục sang tên phát hiện giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 49 012087 và Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe là giả nên đã đến Công an tỉnh Q để trình báo sự việc. Sau đó, anh H và L đã thỏa thuận về việc anh H tự nguyện liên hệ Ngân hàng để tắt toán khoản vay của L trước đó để nhận giấy chứng nhận đăng ký xe và làm thủ tục sang tên cho chị Võ Thị Nguyên L1, sinh năm 1984, thường trú xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng) là chị gái của anh H.

Ngày 26/3/2024, Nguyễn Gia L đến Công an thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ giả số AE 0694555 (thể hiện thông tin

xe ô tô 49H-015.56 được Công ty cổ phần đăng kiểm và dịch vụ giao thông tỉnh B cấp ngày 15/02/2022 (lưu theo hồ sơ vụ án).

- 01 Chứng nhận đăng ký xe số 49 018374 giả thể hiện thông tin xe ô tô 49H-015.56 được Phòng C Công an tỉnh L cấp cho Công ty TNHH T1 ngày 14/02/2022 (lưu theo hồ sơ vụ án).

- 01 Chứng nhận đăng ký xe số 49 065351 giả thể hiện thông tin xe ô tô 49H-002.99 được Phòng C Công an tỉnh L cấp cho Công ty TNHH T1 ngày 11/11/2021 (lưu theo hồ sơ vụ án).

- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ giả số KD 4998350 thể hiện thông tin xe ô tô 49H-002.99 được Trung tâm Đ2 cấp ngày 13/05/2023 (lưu theo hồ sơ vụ án).

- 01 Chứng nhận đăng ký xe số 49 016095 giả thể hiện thông tin xe ô tô 49H-014.07 được Phòng C Công an tỉnh L cấp cho Nguyễn Gia L ngày 21/06/2021 (lưu theo hồ sơ vụ án).

- 01 Chứng nhận đăng ký xe giả số 49 012087 thể hiện thông tin xe ô tô 49H-011.33 được Phòng C Công an tỉnh L cấp cho Công ty TNHH T1, đề ngày 08/11/2021 (lưu theo hồ sơ vụ án).

- 01 tờ giấy A4 thể hiện nội dung Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe giả thể hiện thông tin xe ô tô biển số 49H – 011.33, có chữ ký của ông Thượng tá Nguyễn Văn V1 và mẫu dấu của Công an huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/01/2025 (lưu theo hồ sơ vụ án).

- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số EA 0396361 thể hiện thông tin xe ô tô 64H-011.04 được Chi nhánh Công ty TNHH V3 cấp ngày 21/12/2021.

- 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Hino, số loại FL8JW7A, số máy J08EWD12709, số khung RNJFL8JW7MXX11382, màu sơn trắng. Không có biển số. Quá trình điều tra xác định xe ô tô trên được Phòng C Công an tỉnh V cấp biển số 64H-011.04, do anh Nguyễn Quang S đứng tên đăng ký chủ sở hữu và đã bán lại cho bị cáo Nguyễn Gia L nhưng chưa làm thủ tục sang tên do Giấy chứng nhận đăng ký xe đang bị thế chấp tại Công ty TNHH Một thành viên T2.

- 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Hino, số loại FM8JW7A, biển số 49H-002.99, số máy J08EWD11684, số khung RNJFM8JW7LXX10157, màu sơn trắng, là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Gia L, đang bị thế chấp giấy đăng ký xe tại Công ty TNHH Một thành viên T2.

- 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Hino, số loại FM8JW7A, số máy: J08EWD11313; số khung: RNJFL8JW7LXX10564. Quá trình điều tra xác định xe ô tô trên được Phòng C Công an tỉnh Đ cấp biển số 60H-093.48, do anh Lành Tiến Đ1 đứng tên đăng ký chủ sở hữu và ký kết hợp đồng thế chấp giấy đăng ký xe tại Ngân hàng TMCP V2 - chi nhánh Thành phố T3 thay cho Nguyễn Gia L.

Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả xe ô tô trên cho anh Đ1 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán, trả nợ cho ngân hàng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, số IMEIL: 353890105484015, bên trong có gắn sim số: 0945720492 đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, số IMEIL: 353968106540850, bên trong có gắn sim số: 0909519272, đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Gia L đã sử dụng để trao đổi, liên lạc với bị hại và đối tượng làm giả giấy tờ để thực hiện hành vi phạm tội.

- 02 biển số xe màu vàng - đen số 49H-014.07.

- 02 biển số màu vàng - đen số 49H-015.56.

- 01 bản sao Hợp đồng cho vay số LN2307179741551 ngày 24/7/2023, 01 bản sao Hợp đồng thế chấp số LN2307179741551 ngày 24/7/2023 và 01 bản sao Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 60001737 (lưu theo hồ sơ vụ án).

- 01 Hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty TNHH T1 phát hành ngày 28/12/2023, ký hiệu 1C23TTN, số 64 và 01 thông báo nộp tiền số 11524503150000126/TB-CCT do Chi cục Thuế huyện T cấp ngày 17/01/2024 (lưu theo hồ sơ vụ án).

* Tại Kết luận giám định số 147/KL-KTHS ngày 28/02/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: xác định Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn V1 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn V1 trên mẫu so sánh (Công văn số 89/CV-CAH (CSGT) ngày 29/01/2024 của Công an huyện D và 01 bản sao “GIẤY CHỨNG NHẬN THU HỒI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE đề ngày 30/01/2024) không phải do cùng một người ký ra.

* Tại Kết luận giám định số 651/KL-KTHS ngày 04/4/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ xác định: Chứng nhận đăng ký xe số 49 018374 thể hiện thông tin xe ô tô 49H-015.56 được Phòng C Công an tỉnh L cấp cho Công ty TNHH T1 ngày 14/02/2022, Chứng nhận đăng ký xe số 49 065351 thể hiện thông tin xe ô tô 49H-002.99 được Phòng C Công an tỉnh L cấp cho Công ty TNHH T1 ngày 11/11/2021, Chứng nhận đăng ký xe số 49 016095 thể hiện thông tin xe ô tô 49H-014.07 được Phòng C Công an tỉnh L cấp cho Nguyễn Gia L ngày 21/06/2021 (kí hiệu mẫu cần giám định từ A1 đến A) là giả.

* Tại Kết luận giám định số 359/KL-KTHS ngày 18/3/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc V4-Bộ C1 đối với 03 xe ô tô tải biển số 49H-002.99, 49H-014.07 và 49H-015.56 xác định:

+ Không phát hiện thấy dấu vết đục sửa, tẩy xóa, đóng lại tại vị trí số khung, số máy xe ô tô gắn biển số 49H-002.99. Trước và sau giám định, số khung, số máy xe ô tô này không đổi, lần lượt là: RNJFM8JW7LXX10157 và J08EWD11684.

+ Không phát hiện thấy dấu vết đục sửa, tẩy xóa, đóng lại tại vị trí số khung, số máy xe ô tô gắn biển số 49H-014.07. Trước và sau giám định, số

khung, số máy xe ô tô này không đổi, lần lượt là: RNJFL8JW7LXX10564 và J08EWD11313.

+ Không phát hiện thấy dấu vết đục sửa, tẩy xóa, đóng lại tại vị trí số khung, số máy xe ô tô gắn biển số 49H-015.56. Trước và sau giám định, số khung, số máy xe ô tô này không đổi, lần lượt là: RNJFL8JW7MXX11382 và J08EWD12709

* Tại Kết luận giám định số 379/KL-KTHS ngày 19/3/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ kết luận đối với Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 4998350 (thể hiện thông tin Biển đăng ký 49H-002.99; có dấu tròn Trung tâm Đ2; đề ngày 13/05/2023); và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số EA 0694555 (thể hiện thông tin Biển đăng ký 49H-015.56; có dấu tròn Công ty cổ phần Đ; đề ngày 15/02/2002), như sau:

+ Hình dấu tròn Trung tâm Đ2- Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ; Công ty cổ phần Đ.Bến Tre -T.Bến Tre trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với hình dấu tròn Trung tâm Đ2 - Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ; Công ty cổ phần Đ.Bến Tre - T.Bến Tre tương ứng trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký mang tên Huỳnh Nguyên T trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký Huỳnh Nguyên T trên mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký mang tên Trần Minh L2 trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Trần Minh L2 trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) có phải do cùng một người ký ra hay không.

* Tại Kết luận giám định số 197/KL-KTHS ngày 18/3/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh L kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 49 012087, ngày 08/11/2021; Tên chủ xe: Công ty TNHH T1 là giả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Gia L phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia L: 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/02/2026, bị cáo Nguyễn Gia L có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/02/2026, bị hại ông Trần Hưng Đ có kháng cáo đề nghị giảm hình phạt đối với bị cáo L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị hại ông Trần Hưng Đ xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên kháng cáo đề nghị giảm hình phạt đối với bị cáo L.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo L thừa nhận do làm ăn thua lỗ và cần tiền trả nợ, L đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức cầm cố hoặc bán các xe ô tô do bị cáo đứng tên chủ sở hữu và của Công ty T1 do L là người đại diện theo pháp luật đang bị thế chấp để bảo đảm các khoản vay trước đó rồi chiếm đoạt tiền của người khác. Để thực hiện hành vi lừa đảo, L liên hệ với một đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội để đặt làm giả 07 loại giấy tờ, có hành vi lừa đảo các bị hại tổng cộng 3.700.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã xét xử 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo khai gia đình bị cáo có khắc phục hậu quả cho bị hại nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Hoàng Thị K trình bày: Bản án sơ thẩm đã xét xử 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là quá nặng đối với hành vi của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản án sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ đầu thú, thành khẩn khai báo, đã bồi thường một phần lớn số tiền chiếm đoạt của hai bị hại, là các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên chưa xem xét tình tiết các bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại ông Trần Hưng Đ kháng cáo đề nghị giảm hình phạt đối với bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo, xử phạt 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Bị cáo L trình bày: Đồng ý với ý kiến Luật sư, xin giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Gia L, bị hại ông Trần Hưng Đ có kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tội danh:

Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định:

Nguyễn Gia L là giám đốc Công ty TNHH T1 chuyên kinh doanh dịch vụ vận tải. Công ty của bị cáo L có 04 chiếc xe ô tô biển số 49H-0029, 49H-01133, 60H-093.48 và xe ô tô 64H-011-04, 04 chiếc xe này L mua nhưng đang thế chấp tại ngân hàng (Công ty TNHH MTV T2 (T4)). Trong quá trình kinh doanh, do làm ăn thua lỗ và cần tiền trả nợ, nên bị cáo L đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn sử dụng 07 loại giấy tờ giả (do L liên hệ qua mạng xã hội với đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch để làm) liên quan đến những chiếc xe ô tô mà L thế chấp cho Công ty TNHH MTV T2 (T4). Bị cáo L mang toàn bộ giấy tờ giả trên đến tiệm cầm đồ “Hưng Phát 3” thế chấp cầm cố cho anh Trần Hưng Đ tổng số tiền 3.150.000.000 đồng.

Ngoài ra bị cáo cũng dùng giấy tờ giả nêu trên để bán cho anh Võ Nguyên H 01 xe ô tô biển số 49H-011.33 để chiếm đoạt số tiền 550.000.000 đồng của anh H.

Như vậy, bị cáo đã có hành vi lừa đảo các bị hại tổng cộng 3.700.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi 02 xe ô tô thế chấp để giao lại cho Công ty TNHH MTV T2 (T4). Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử bị cáo với tội danh và khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Gia L đã tác động gia đình thay bị cáo bồi thường số tiền 2.100.000.000 đồng cho anh Trần Hưng Đ, anh Võ Nguyên H không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự.

[2.2]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2.2.1]. Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[2.2.2]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2.2.3]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo, đã bồi thường một phần lớn số tiền chiếm đoạt của hai bị hại, là các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.3]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, động cơ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội có thời hạn để cải tạo giáo dục riêng, đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử bị cáo Nguyễn Gia L về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ và đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Gia L có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình thêm được chứng cứ để chứng minh. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại ông Trần Hưng Đ kháng cáo đề nghị giảm hình phạt đối với bị cáo L là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng như để bị cáo có ý thức cố gắng cải tạo cho tốt.

[3]. Quan điểm của Kiểm sát viên không được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Gia L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 355; Điều 357 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Gia L, của bị hại ông Trần Hưng Đ, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai).

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Gia L** phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia L: 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2024.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Gia L không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án DS tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam số 01 CA. tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Bị cáo (Trại giam tổng đạt);
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt